

Số: 59/2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2023 và thay thế các Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân

tình về việc ủy quyền việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; các Hội cấp tỉnh và cấp huyện được giao số lượng người làm việc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật- Bộ Tư pháp;
- Vụ Tổ chức pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số: 59/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong việc phân cấp quản lý về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Các hội cấp tỉnh, hội cấp huyện được giao số lượng người làm việc.
5. Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Quản lý viên chức được thực hiện trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc trong phạm vi toàn tỉnh nhưng có sự phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn quản lý cho các ngành, các cấp; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các công tác được phân công, phân cấp quản lý của các ngành, các cấp.
3. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đầy đủ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong công tác quản lý.
4. Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, phân loại viên chức phải căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý

1. Về tuyển dụng viên chức:
 - a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức;
 - b) Phê duyệt hoặc thẩm định kế hoạch tuyển dụng;
 - c) Tổ chức tuyển dụng (thực hiện các bước trong quy trình tuyển dụng);
 - d) Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức;
 - đ) Bố trí, phân công công tác cho người trúng tuyển.
2. Về sử dụng và quản lý viên chức:
 - a) Xây dựng kế hoạch, quy hoạch quản lý và sử dụng viên chức;
 - b) Xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng viên chức làm việc tương ứng;
 - c) Ký hợp đồng làm việc với viên chức;
 - d) Chuyển công tác, tiếp nhận, bố trí, phân công nhiệm vụ, biệt phái, kiểm tra và đánh giá viên chức;
 - đ) Thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức;
 - e) Đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
 - g) Thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với viên chức;
 - h) Thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật viên chức;
 - i) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức danh quản lý, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức đối với viên chức quản lý;
 - k) Giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức;
 - l) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ viên chức;
 - m) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành quy định của pháp luật về viên chức và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với viên chức.

Chương II

NỘI DUNG TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Điều 5. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng I.
2. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II sau khi có ý kiến của bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và Bộ Nội vụ về nội dung Đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
3. Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.
4. Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm của tỉnh.

Điều 6. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định nghỉ hưu, thôi việc, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, biệt phái, chuyển công tác ra ngoài tỉnh; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức danh quản lý, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức danh quản lý; cử đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

2. Thẩm định hồ sơ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét có ý kiến việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng I sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

4. Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác đối với viên chức cùng hạng II, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II (đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp quản lý viên chức và theo quy định pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan Điều 5 và Điều 6.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành các quy định của pháp luật đối với viên chức trên địa bàn tỉnh.

3. Thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức của các đơn vị, địa phương.

4. Thẩm định hồ sơ, có ý kiến thống nhất tiếp nhận vào làm viên chức theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

5. Quyết định tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; quyết định chuyển công tác đối với viên chức không giữ chức danh quản lý có trình độ thạc sỹ trở lên ra ngoài tỉnh; quyết định chuyển công tác đối với viên chức có trình độ thạc sỹ trở lên ra ngoài tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo số lượng, chất lượng viên chức hàng năm theo quy định của Bộ Nội vụ.

7. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II đối với viên chức không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

8. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và quản lý hồ sơ viên chức.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho viên chức trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là sở) và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức (trong kế hoạch tuyển dụng cần ưu tiên các đối tượng quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ trẻ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; số người tham gia tuyển dụng phải bảo đảm có số dư so với chỉ tiêu được tuyển theo từng vị trí việc làm); đề nghị Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức và có ý kiến thống nhất tiếp nhận vào làm viên chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 Quy định này;

2. Quyết định biệt phái; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức danh quản lý; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung; đào tạo, bồi dưỡng; thôi việc, nghỉ hưu; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức;

3. Phê duyệt kết quả xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Lập danh sách viên chức đủ điều kiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng I gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh;

5. Xây dựng đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II, gửi Sở Nội vụ tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ thẩm định.

Các sở chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

6. Xây dựng đề án và tổng hợp danh sách viên chức đủ điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

7. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống đối với viên chức thuộc quyền quản lý;

8. Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

9. Quyết định tiếp nhận, chuyển công tác viên chức giữa các đơn vị trên địa bàn tỉnh và các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; chuyển công tác

viên chức ra ngoài tỉnh, đến các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trừ trường hợp có trình độ thạc sĩ trở lên); chuyên công tác viên chức đến các cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh;

10. Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc bố trí, sắp xếp, sử dụng, quản lý và thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

11. Tổng hợp số lượng, chất lượng, tình hình biến động viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

12. Phê duyệt kế hoạch đề thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc tổ chức tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc đối với viên chức trúng tuyển;

Điều 9. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm quyền các Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức (trong kế hoạch tuyển dụng cần ưu tiên các đối tượng quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ trẻ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; số người tham gia tuyển dụng phải bảo đảm có số dư so với chỉ tiêu được tuyển theo từng vị trí việc làm); đề nghị Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức và có ý kiến thống nhất tiếp nhận vào làm viên chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 Quy định này;

2. Bố trí công tác, phân công nhiệm vụ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển; cử người hướng dẫn tập sự đối với viên chức mới được tuyển dụng theo quy định của pháp luật; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với người hoàn thành chế độ tập sự, chấm dứt hợp đồng làm việc khi người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Quyết định chuyển công tác viên chức giữa các tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; chuyển viên chức ra ngoài tỉnh, đến các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; chuyển viên chức đến các cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh.

4. Tổ chức xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác và quyết định thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Lập danh sách viên chức đủ điều kiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (lên hạng II hoặc lên hạng I) gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

6. Xây dựng đề án và tổng hợp danh sách viên chức đủ điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

7. Quyết định biệt phái; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức danh quản lý; thăng hạng chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung; đào tạo, bồi dưỡng; thôi việc, nghỉ hưu; khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng làm việc và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức.

8. Xây dựng kế hoạch và quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng.

9. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hàng năm; lập và quản lý hồ sơ viên chức theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ.

10. Tổng hợp số lượng, chất lượng, tình hình biến động viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

Điều 10. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý của các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đề nghị cơ quan quản lý có thẩm quyền xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm theo quy định của cơ quan quản lý trực tiếp.

2. Bố trí, phân công nhiệm vụ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển; cử người hướng dẫn tập sự đối với viên chức mới được tuyển dụng theo quy định.

3. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với người hoàn thành chế độ tập sự, chấm dứt hợp đồng làm việc khi người tập sự không đạt yêu cầu trong thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

4. Tổ chức xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác, trình cấp có thẩm quyền quản lý phê duyệt kết quả và quyết định thay đổi chức danh nghề nghiệp khi viên chức thay đổi vị trí việc làm theo phân cấp quản lý.

5. Quyết định nâng bậc lương, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

6. Xây dựng kế hoạch và quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

7. Chấm dứt hợp đồng làm việc trong trường hợp viên chức chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị mới. Ký hợp đồng làm việc đối với viên chức từ

cơ quan, đơn vị khác chuyển đến sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý trực tiếp.

8. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hàng năm; lập và quản lý hồ sơ viên chức theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý.

9. Tổng hợp số lượng, chất lượng, tình hình biến động viên chức báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

10. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức danh quản lý, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng làm việc và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

Điều 11. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 10 của Quy định này mà không cần xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

2. Quyết định cho viên chức chuyển công tác đến các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, các cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh và ngược lại.

3. Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức (trong kế hoạch tuyển dụng cần ưu tiên các đối tượng quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ trẻ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; số người tham gia tuyển dụng phải bảo đảm có số dư so với chỉ tiêu được tuyển theo từng vị trí việc làm). Thực hiện bố trí, phân công nhiệm vụ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển; cử người hướng dẫn tập sự đối với viên chức mới được tuyển dụng và thực hiện chế độ chính sách khác đối với viên chức.

2. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với người hoàn thành chế độ tập sự, chấm dứt hợp đồng làm việc khi người tập sự không đạt yêu cầu trong thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Tổ chức thực hiện việc xét chuyên chức danh nghề nghiệp viên chức khi chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác; quyết định thay đổi chức danh nghề nghiệp khi viên chức thay đổi vị trí việc làm.

4. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, kỷ luật buộc thôi việc đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp.

5. Xây dựng kế hoạch và quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức danh quản lý, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng làm việc và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

7. Chấm dứt hợp đồng làm việc trong trường hợp viên chức chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị mới. Ký hợp đồng làm việc đối với viên chức từ cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

8. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hàng năm; lập và quản lý hồ sơ viên chức theo quy định hiện hành.

9. Tổng hợp số lượng, chất lượng, tình hình biến động viên chức báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

Chương III

QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 13. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trực thuộc Ban, Chi cục và tương đương.

2. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi

thường xuyên trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo thẩm quyền quy định tại Điều 13 và Điều 14.

2. Hướng dẫn việc xây dựng đề án vị trí việc làm (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Có ý kiến thống nhất bằng văn bản đề thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc UBND tỉnh; trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trực thuộc Ban, Chi cục và tương đương phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm.

4. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

Điều 16. Thẩm quyền của sở

1. Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch số lượng người làm việc gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

2. Có ý kiến thống nhất bằng văn bản đề thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

3. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

Điều 17. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo).

2. Xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

3. Có ý kiến thống nhất bằng văn bản đề thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm

đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên.

4. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

Điều 18. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch số lượng người làm việc gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Có ý kiến thống nhất bằng văn bản đề thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên.

c) Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

2. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch số lượng người làm việc gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên

Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm sau khi có ý kiến bằng văn bản thống nhất của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp.

Lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

3. Thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gửi UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên:

Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm sau khi có ý kiến bằng văn bản thống nhất của UBND cấp huyện.

Lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

Hàng năm, tổng hợp báo cáo Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan và Quy định này để tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo đúng thẩm quyền quy định.

Điều 20. Đối với người giữ chức danh quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập được xác định là công chức theo quy định của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức hết thời hạn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được xem là viên chức và quá trình thực hiện các chế độ, chính sách được áp dụng theo phân cấp hiện hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.